

Bản án số: **246/2020/DS-ST**

Ngày: 23-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Kim Triều
2. Ông Nguyễn Tiến Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2486/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3685/2020/QĐST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: Số 442 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Trúc Mai là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 434/UQ-QLN.20 ngày 27 tháng 5 năm 2020)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 393 đường N, phường L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 5 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Huỳnh Trúc Mai trình bày:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn B căn cứ theo Hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.457.310815 (Số tài khoản vay: 202987269) ngày 31/08/2015, chi tiết như sau: Số tiền cho vay/giải ngân: 70.000.000 đồng. Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi thanh toán số 181930219 của bị đơn tại Ngân hàng. Thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 31/08/2015 đến ngày 31/08/2020). Mục đích cho vay: Tiêu dùng tín chấp - Hỗ trợ tiêu dùng- Tiêu dùng. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần. Lãi suất trong hạn: 19,5%/năm (tính theo dư nợ thực tế). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay vốn, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 20 tháng 3 năm 2020, nguyên đơn đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của hợp đồng tín dụng trả góp nêu trên. Nay Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2020 là 53.391.578 đồng (nợ gốc là 35.395.229 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.510.004 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.486.345 đồng) ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24 tháng 9 năm 2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngày 26 tháng 8 năm 2020 Nguyên đơn có đơn yêu cầu rút phần yêu cầu phạt chậm trả là 4.200.000 đồng.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông Nguyễn Văn B có địa chỉ cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[3] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Ngày 31 tháng 8 năm 2015, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.457.310815 (số tài khoản vay 202987269) gồm các nội dung chủ yếu sau: Số tiền cho vay: 70.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: UIL- Tiêu dùng tín chấp – Hỗ trợ tiêu dùng – Tiêu dùng. Thời hạn vay: 60 tháng tính từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Kèm theo hợp đồng là Quy chế cho vay của nguyên đơn, các thỏa thuận giữa bên được cấp tín dụng với nguyên đơn. Xét hợp đồng tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại các khoản 14, khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 35.395.229 đồng: Thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn thông qua Phiếu giải ngân chuyển khoản ngày 31 tháng 8 năm 2015. Toàn bộ số tiền gốc đã được Ngân hàng chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi thanh toán của bị đơn theo đúng thỏa thuận. Bị đơn đã trả được 34.604.771 đồng tiền

gốc, còn nợ 35.395.229 đồng nợ gốc, vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.457.310815 ngày 31 tháng 8 năm 2015 nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 35.395.229 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 13.510.000 đồng nợ lãi trong hạn và 4.486.345 đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2020 và tiền lãi phát sinh từ ngày 24 tháng 9 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng:

Xét Lãi suất cho vay trong hạn trong hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.457.310815 ngày 31 tháng 8 năm 2015 là 19,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét theo quy định tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 13.510.000 đồng nợ lãi trong hạn và 4.486.345 đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.457.310815 ngày 31 tháng 8 năm 2015 có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 24 tháng 9 năm 2020 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán một lần số tiền nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Từ ngày 20 tháng 3 năm 2020 khoản nợ của bị đơn đã chuyển sang nợ quá hạn nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định của pháp luật, nên có cơ sở để chấp nhận.

[7] Xét Việc nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền phạt chậm trả là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà Nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[8] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14, khoản 16 Điều 4, khoản 14 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 và khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A 35.395.229 đồng nợ gốc, 13.510.000 đồng nợ lãi trong hạn và 4.486.345 đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.457.310815 ngày 31 tháng 8 năm 2015, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.457.310815 ngày 31 tháng 8 năm 2015 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về phần lãi phạt chậm trả 4.200.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.669.579 đồng.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A 1.339.853 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2019/0029323 ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Mai